



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Right Choice
Bright Future

LỰA CHỌN ĐÚNG - TƯƠNG LAI SÁNG

Công bố

ĐIỂM CHUẨN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2026

Phương thức xét tuyển tổng hợp

MÃ XÉT TUYỂN	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	ĐIỂM CHUẨN (thang điểm 100)
KINH TẾ		
401	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế học)	74,78
403	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công)	74,49
421	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế số) New	80,84
402	Kinh tế quốc tế (Chuyên ngành Kinh tế đối ngoại)	84,76
413	Toán kinh tế (Chuyên ngành Toán ứng dụng trong Kinh tế, Quản trị và Tài chính)	79,65
413E	Toán kinh tế (Chuyên ngành Toán ứng dụng trong Kinh tế, Quản trị và Tài chính) (Tiếng Anh)	67,22
419	Toán kinh tế (Chuyên ngành Phân tích dữ liệu)	82,61
KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ		
407	Quản trị kinh doanh	80,50
407E	Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh)	70,28
415	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị du lịch và lữ hành)	69,55
410	Marketing	84,63
410E	Marketing (Tiếng Anh)	70,09
417	Marketing (Chuyên ngành Digital Marketing)	82,48
408	Kinh doanh quốc tế	87,94
408E	Kinh doanh quốc tế (Tiếng Anh)	82,66
420	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành Quản lý chuỗi cung ứng và Logistics quốc tế)	90,01
411	Thương mại điện tử	86,73
411E	Thương mại điện tử (Tiếng Anh)	78,36
404	Tài chính – Ngân hàng	81,40
404E	Tài chính – Ngân hàng (Tiếng Anh)	72,68
414	Công nghệ tài chính	82,54
414H	Công nghệ tài chính (Chương trình Co-operative Education) (Tiếng Anh bán phần)	73,15
405	Kế toán	80,49
405E	Kế toán (Tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW – Tiếng Anh)	70,42
422	Kế toán (Chuyên ngành Kế toán và phân tích dữ liệu) New	79,91
409	Kiểm toán	85,29
418	Quản lý công	71,81
406	Hệ thống thông tin quản lý	86,46
406H	Hệ thống thông tin quản lý (Chương trình Co-operative Education) (Tiếng Anh bán phần)	86,22
416	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo)	84,44
PHÁP LUẬT		
503	Luật (Chuyên ngành Luật Dân sự)	76,01
503E	Luật (Chuyên ngành Luật Dân sự) (Tiếng Anh)	69,42
504	Luật (Chuyên ngành Luật Tài chính - Ngân hàng)	65,01
505	Luật (Chuyên ngành Luật và Chính sách công)	65,54
506	Luật (Chuyên ngành Luật và Công nghệ) New	71,65
501	Luật kinh tế (Chuyên ngành Luật Kinh doanh)	80,65
502	Luật kinh tế (Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế)	83,24
502E	Luật kinh tế (Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế) (Tiếng Anh)	76,72



19001239 (ext: 6001, 6002)
0888.247.669



Link tra cứu TRÚNG TUYỂN
dks.uel.edu.vn/tracuu



Link NHẬP HỌC
nhaphoc.uel.edu.vn

